

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/DS-ST
Ngày: 28-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân N.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh H

2. Ông Trần Văn L.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh B - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 665/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-DS ngày 10/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa xét xử số 18/2025/QĐST-DS ngày 24/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 677/6, đường N, Quận 12, T; Tạm trú: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh B.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp L xã L, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn (bà Phạm Thị T) trình bày:

Hiện nay bà Phạm Thị T buôn bán vật liệu xây dựng tại hộ kinh doanh Siêu Phát do ông Nguyễn Văn T làm đại diện tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện D, tỉnh B.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M và bà Phạm Thị T hoàn toàn không có mối quan hệ gì. Bà T chỉ biết bà M thông qua việc mua bán vật tư xây dựng. Năm 2022, bà M có liên hệ vật liệu xây dựng Siêu Phát mua vật tư gồm cát, đá, xi măng với tổng số tiền 10.000.000 đồng nhưng chưa thanh toán thể hiện tại chứng cứ “Giấy nhận nợ” ngày 23/5/2024 do bà T lập, còn chữ ký tên là của bà Nguyễn Thị Tuyết M. Khi bà Phạm Thị T lập nội dung này thì bà M có đọc lại nội dung và tự nguyện ký tên xác nhận. Lý do bà T lập giấy nhận nợ này do bà M hứa nhiều lần thanh toán số tiền 10.000.000 đồng nhưng không thực hiện nên bà T yêu cầu bà M xác nhận nội dung này để làm căn cứ pháp luật. Vì vậy, nguyên đơn đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết M thanh toán số tiền còn nợ lại 10.000.000 đồng, tuy nhiên ngày 24/3/2025, nguyên đơn làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ tranh chấp số tiền 8.500.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng không tranh chấp.

Ngoài ra, nguyên đơn không có tranh chấp gì khác.

- Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn (bà Nguyễn Thị Tuyết M) trình bày:

Hiện nay bà Nguyễn Thị Tuyết M đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp L, xã L, huyện D, tỉnh B.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M biết bà Phạm Thị T do bà T bán vật liệu xây dựng đăng ký tên Siêu Phát. Năm 2020, bà M có tiến hành trang trại gà nên có liên hệ vật liệu xây dựng Siêu Phát mua vật tư với tiền hơn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Giấy nhận nợ ngày 23/5/2024, bà Mai khẳng định nội dung chữ viết là của bà T, còn chữ ký tên là của bà Nguyễn Thị Tuyết M. Khi bà Phạm Thị T lập nội dung này thì bà M có đọc lại nội dung và tự nguyện ký tên xác nhận. Đối với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) bà Mai đã thanh toán cho bà T hàng tháng đã trả góp được 3.500.000 đồng, còn nợ lại 6.500.000 đồng. Việc thanh toán số tiền 3.500.000 đồng, phía bà M chỉ đưa tiền cho bà T không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh vì tình nghĩa chị em.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T đối với số tiền 10.000.000 đồng thì bà M chỉ đồng ý thanh toán số tiền 6.500.000 đồng với phương thức trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền trên vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến gì khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B phát biểu tại phiên tòa:

Ngày 21/9/2022, bị đơn bà M mua vật liệu xây dựng (cát, đá, xi măng) tại cửa hàng vật liệu xây dựng Siêu Phát (L, L) của bà T và thiếu số tiền 10.000.000 đồng, bị đơn có ký giấy nợ với nguyên đơn. Do bị đơn bà M không thanh toán số tiền còn thiếu nên nguyên đơn bà T khởi kiện.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn xác định có mua vật liệu xây dựng khoảng hơn 100.000.000 đồng tại cửa hàng vật liệu xây dựng của bà Tỷ (cửa hàng Siêu Phát), bị đơn bà M đã trả và chỉ còn nợ số tiền 6.500.000 đồng. Hiện tại bị đơn bà M chỉ đồng ý thanh toán số tiền 6.500.000 đồng.

Giữa nguyên đơn và bị đơn thừa nhận có thỏa thuận về hợp đồng mua bán hàng hóa và đã phát sinh giao dịch dân sự. Đây là hợp đồng song vụ, nguyên đơn đã giao hàng theo thỏa thuận, bị đơn đã nhận hàng nhưng chưa thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 24/3/2025, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện (rút 1.500.000 đồng), nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 8.500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, Tòa án thu thập và quy định của pháp luật tại Điều 440 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, buộc bị đơn bà M trả cho nguyên đơn bà T số tiền 8.500.000 đồng. Đình chỉ phần yêu cầu đối với 1.500.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M thanh toán số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ lại 10.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đã nêu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện phía bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp L, xã L, huyện D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 21/9/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M có mua vật liệu xây dựng tại hộ kinh doanh Siêu Phát với số tiền 10.000.000 đồng nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, ngày 23/5/2024, nguyên đơn bà Phạm Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết M xác nhận “Giấy nhận nợ” với nội dung còn nợ lại số tiền 10.000.000

đồng và tự nguyện ký tên xác nhận. Đây là tình tiết được các bên đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, chứng cứ “Giấy nhận nợ” ngày 23/5/2024 thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn thừa nhận có thỏa thuận về hợp đồng mua bán hàng hóa và đã phát sinh giao dịch dân sự. Đây là hợp đồng song vụ, nguyên đơn đã giao hàng theo thỏa thuận, bị đơn đã nhận hàng nhưng chưa thanh toán số tiền 10.000.000 đồng còn nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T là có căn cứ nên được Tòa án chấp nhận, tuy nhiên ngày 24/3/2025, bà Phạm Thị T làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ tranh chấp số tiền 8.500.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng không tranh chấp. Vì vậy, xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử xét ghi nhận và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền 1.500.000 đồng theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu ý kiến trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M:

Bị đơn thừa nhận số tiền còn nợ lại khi mua vật liệu xây dựng tại hộ kinh doanh Siêu Phát với số tiền 10.000.000 đồng thể hiện tại chứng cứ “Giấy nhận nợ” ngày 23/5/2024 và cho rằng đã thanh toán cho nguyên đơn bằng phương thức trả góp hàng tháng được 3.500.000 đồng đưa tiền cho bà T vì tình nghĩa chị em. Vì vậy, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà Nguyễn Thị Tuyết M chỉ đồng thanh toán 6.500.000 đồng với hình thức trả dần mỗi tháng 500.000 đồng vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có khả năng trả một lần. Tuy nhiên việc thanh toán số tiền 3.500.000 đồng, phía bà M không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh và không được bà Phạm Thị T thừa nhận nội dung này và việc trả dần số tiền này không đảm bảo, ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên ý kiến của bị đơn là không phù hợp pháp luật và Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị đơn đưa ra. Từ những phân tích nêu trên cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng hóa còn nợ lại 8.500.000 đồng là phù hợp.

[3] Xét, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 4, 5, 26, 35, 39, 68, 147, 186, 235, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với bà Nguyễn Thị Tuyết M về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị T số tiền 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Nguyễn Thị Tuyết M chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Phạm Thị T đối với bà Nguyễn Thị Tuyết M về số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải nộp số tiền 425.000 đồng (bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Phạm Thị T 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007087 ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân N

